

Số: 02 /QĐ-SNN

Bình Phước, ngày 07 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Bình Phước**

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/05/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;



Căn cứ Quyết định 27/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 48/2010/QĐ-UBND ngày 24/6/2010 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Nông nghiệp & PTNT;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 890/QĐ-SNN ngày 25/11/2011 của Sở Nông nghiệp & PTNT về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. / Thư

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Ban Thi đua khen thưởng tỉnh;
- Thành viên Khối thi đua số 5 tỉnh;
- Lưu: VT, VP, P. TCCB. mu



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tới



QUY ĐỊNH
Về công tác thi đua, khen thưởng
Sở tỉnh Bình Phước

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /QĐ-SNN
ngày 07 /01/2015 của Sở)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của Sở tỉnh Bình Phước, bao gồm: Nội dung, hình thức tổ chức các phong trào thi đua; danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định, trao tặng khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng; kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tập thể, cá nhân thuộc Sở (sau đây gọi tắt là Sở) có cống hiến, thành tích, đóng góp vào sự nghiệp phát triển của ngành Nông nghiệp & PTNT.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Nguyên tắc thi đua

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
- b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua từ đầu năm; mọi cá nhân, tập thể không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua. Việc đăng ký danh hiệu thi đua các đơn vị phối hợp với tổ chức Công đoàn cùng cấp để thực hiện, thời gian đăng ký trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

1. Chính xác, công khai, công bằng và kịp thời.

2. Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.

3. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn thì được khen thưởng với mức cao hơn. Chú trọng, tập trung khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

4. Đối với cá nhân trong một năm chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp Nhà nước hoặc danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

5. Trong một năm không trình khen thưởng tổng kết năm vừa “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh”, vừa danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” cho cùng một cá nhân.

6. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

7. Đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới:

a) Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung;

b) Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

8. Thời gian để đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.

9. Khi bình xét khen thưởng từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở sẽ tiến hành bỏ phiếu kín, kết quả đạt từ 80% trở lên mới lập thủ tục, hồ sơ đề nghị lên cấp trên xét, đề nghị khen thưởng. Riêng danh hiệu “Chiến sĩ Thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ Thi đua toàn quốc” và danh hiệu vinh dự Nhà nước kết quả bỏ phiếu kín phải đạt từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở.

Điều 5. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo Cụm thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết

thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các khối, cụm thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của đơn vị. Các đơn vị chỉ phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian.

Điều 6. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP) và những nội dung sau:

1. Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; nội dung phải bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

2. Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của các phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điềm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trực thuộc Sở trong triển khai tổ chức phong trào thi đua và trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Giám đốc Sở chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng chung của toàn Sở.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở thực hiện chức năng tham mưu cho Giám đốc Sở về công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi toàn Sở; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

HỮU
SỞ
NGH
ÁT T
G TH
NH P

2. Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi cơ quan, đơn vị mình quản lý.

3. Công đoàn ngành Nông nghiệp & PTNT, các tổ chức Công đoàn cơ sở trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức và phối hợp với các cơ quan, đơn vị để lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, vận động đoàn viên tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng; tổ chức giám sát việc thực hiện Luật Thi đua, Khen thưởng; kiến nghị sửa đổi, bổ sung những bất cập về chính sách khen thưởng.

4. Ban Biên tập Bản tin Nông nghiệp & PTNT, Ban Biên tập Website của Sở có trách nhiệm thường xuyên, kịp thời tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động tuyên truyền, tăng cường các chuyên trang, chuyên mục về công tác thi đua, khen thưởng; cổ vũ, phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

Chương II

DANH HIỆU, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Danh hiệu thi đua

1. Các danh hiệu thi đua đối với cá nhân: “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”.

2. Các danh hiệu thi đua đối với tập thể: “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến”.

Điều 9. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Đối với công nhân, nông dân và người lao động danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm khi đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

3. Những trường hợp sau đây vẫn được xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”

a) Cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên (có giấy xác nhận) thì năm đó được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

c) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Đối với cá nhân chuyển chuyên, điều động công tác thì cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 6 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

e) Trường hợp cá nhân được biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị cũ xem xét quyết định khi có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt danh hiệu thi đua “Lao động tiên tiến”;

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được Hội đồng sáng kiến Sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong công tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất, được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó đem lại hiệu quả cao và có tác dụng ảnh hưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu do Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh xem xét, công nhận.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất, được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” (tức là cá nhân đó phải có 06 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”);

b) Có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học do Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh xem xét, công nhận.

3. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề sau năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” lần thứ hai.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

3. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 14. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và đạt các tiêu chuẩn sau:



a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” gồm:

- Các phòng, bộ phận chuyên môn thuộc Khối văn phòng Sở;

- Các Chi cục, Trung tâm trực thuộc Sở;

- Các Ban quản lý dự án, Quỹ tài chính, Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Không xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” đối với các phòng, Trạm, Hạt, Đội, Chốt trực thuộc các Chi cục, Trung tâm, Ban Quản lý dự án, Quỹ tài chính trực thuộc Sở.

Điều 15. “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Tiêu chuẩn xét tặng:

Cờ thi đua của UBND tỉnh được xét tặng hàng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác của tỉnh học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng cho các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

3. Việc phân chia cụm, khối thi đua thuộc tỉnh, số lượng cờ thi đua, mức tiền thưởng do UBND tỉnh quy định riêng.

Điều 16. “Cờ thi đua của Chính phủ”

Thực hiện theo quy định tại điều 16, Quy định ban hành kèm theo Quyết định 27/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG , TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 17. Hình thức khen thưởng:

Hình thức khen thưởng, gồm

1. Cấp nhà nước:

a) Huân chương: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” các hạng, “Huân chương Quân công” các hạng, “Huân chương Lao động” các hạng, “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” các hạng, “Huân chương Chiến công” các hạng, “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”, “Huân chương Dũng cảm”, “Huân chương Hữu nghị”;

b) Huy chương: “Huy chương Quân kỳ quyết thắng”, “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc”, “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” các hạng, “Huy chương Hữu nghị”;

c) Danh hiệu Vinh dự Nhà nước: “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”;

d) “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”;

đ) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương: “Bằng khen của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương”, “Kỷ niệm chương”.

3. Cấp tỉnh: “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh”, “Huy hiệu”.

4. Cấp cơ sở: Giấy khen Giám đốc Sở

Điều 18. Các loại hình khen thưởng, gồm:

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ

tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước (thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận).

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội), có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài đã có thành tích, có đóng góp vào sự phát triển của ngành Nông nghiệp & PTNT.

Điều 19. Đối tượng, tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 21, Quy định ban hành kèm theo Quyết định 27/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 20. “Giấy khen của Giám đốc Sở”

1. “Giấy khen của Giám đốc Sở” để tặng thưởng cho cá nhân, tập thể lập được thành tích thường xuyên, chuyên đề hoặc đột xuất.

Việc tặng thưởng “Giấy khen của Giám đốc Sở” được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác năm (khen thưởng tổng kết), hoặc ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình (khen thưởng chuyên đề) hoặc lập được thành tích đột xuất và do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, đề xuất.

2. Tiêu chuẩn để được xét tặng “Giấy khen của Giám đốc Sở”

a) Đối với cá nhân, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cơ quan, đơn vị;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

b) Đối với tập thể, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

- Lập được thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cơ quan, đơn vị;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Điều 21. “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Khen thưởng đột xuất

“Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” xét tặng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của nhà nước.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt)

a) Việc khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) do Giám đốc Sở, Cục Trưởng Cục thi đua, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức phát động phong trào thi đua theo kế hoạch. Trường hợp chuyên đề có phạm vi rộng trong toàn tỉnh, do tỉnh phát động (có văn bản phát động phong trào thi đua) thì Giám đốc Sở tham mưu tỉnh phát động, lựa chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen, số lượng khen thưởng như sau:

- Thời gian thực hiện chuyên đề dưới 5 năm: không vượt quá 5 tập thể và 10 cá nhân;

- Thời gian thực hiện chuyên đề từ 5 - 10 năm: không vượt quá 7 tập thể và 15 cá nhân;

- Thời gian thực hiện chuyên đề trên 10 năm: không vượt quá 10 tập thể và 20 cá nhân;

- Trừ chuyên đề có tính chất từ thiện, nhân đạo, những chuyên đề cần đề nghị số lượng khen thưởng cao hơn thì Sở sẽ thống nhất với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh về tiêu chuẩn khen thưởng, số lượng khen thưởng để trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Đối với kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống, năm chẵn, năm tròn (10 năm, 20 năm, 30 năm...) hoặc tổng kết chỉ thị, quyết định, nghị quyết, luật, pháp lệnh thì số lượng đề nghị “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” cũng không vượt quá 05 tập thể và 10 cá nhân;

c) “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” xét tặng cho các tập thể, cá nhân đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia (khu vực, vùng, miền do Trung ương tổ chức); đạt giải nhất trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp tỉnh hoặc khen thưởng cho cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh và nước ngoài có công lao đóng góp cho ngành Nông nghiệp & PTNT.

d) Khi xét khen thưởng theo chuyên đề phải lưu ý:

- Hạn chế khen thưởng cho các cơ quan phối hợp, cho cá nhân lãnh đạo tham gia vào các Ban, các Hội đồng mà chủ yếu khen thưởng cho các tập thể và cá nhân trực tiếp thực hiện chuyên đề;

- Trong một năm, nếu tập thể và cá nhân tham gia nhiều chuyên đề khác nhau thì cũng chỉ xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh một lần duy nhất;

- Tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phải có từ 1/2 thời gian tham gia chuyên đề trở lên.

3. Khen thưởng tổng kết năm

a) Đối với cá nhân:

“Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh” xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến cấp cơ sở được công nhận và áp dụng hiệu quả.

b) Đối với tập thể:

“Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh” xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua theo Cụm thi đua;

- 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

Điều 22. “Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT”

1. Khen thưởng theo chuyên đề

Các tập thể, cá nhân được tặng thưởng “Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT” khi đạt các tiêu chuẩn sau:

- Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua chuyên đề do Bộ Nông nghiệp & PTNT, UBND tỉnh, Sở phát động.

2. Khen thưởng đột xuất

Các tập thể, cá nhân được tặng thưởng “Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT” khi đạt các tiêu chuẩn sau:

- Cá nhân: Lập được nhiều thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực có tác động đến sự phát triển của ngành Nông nghiệp & PTNT

- Tập thể: : Lập được nhiều thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ngành.

3. Khen thưởng theo thành tích công trạng (khen thưởng thường xuyên, tổng kết năm)

Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT chỉ xem xét tặng thưởng Bằng khen cho các đối tượng là các tập thể, cá nhân thuộc Bộ Nông nghiệp & PTNT và không xem xét khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân thuộc Sở các tỉnh, thành phố.

Chương IV

NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG XÉT DANH HIỆU THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ TỶ LỆ, CƠ CẤU XÉT DANH HIỆU THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 23. Những trường hợp không xét danh hiệu thi đua, khen thưởng

1. Đối với tập thể:

- a) Không đăng ký thi đua;
- b) Cơ quan, đơn vị mới thành lập, thời gian hoạt động chưa đủ một năm (dưới 12 tháng);
- c) Những tập thể có vụ việc sai phạm bị báo chí phản ánh và đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra;
- d) Đảng bộ, chi bộ, công đoàn cơ sở, tổ công đoàn đạt loại yếu kém;
- đ) Để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị đến mức phải xử lý hình sự;
- e) Các đơn vị (trực tiếp sử dụng, quản lý) có công chức, viên chức sinh con thứ ba trở lên, trừ 07 trường hợp sinh con thứ ba được quy định tại Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về việc hướng dẫn, bổ sung Pháp lệnh Dân số (sau đây gọi tắt là Nghị định 20/2010/NĐ-CP);
- g) Có lãnh đạo chủ chốt bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì không xét khen thưởng cho tập thể đơn vị (đối với tập thể nhỏ trong đơn vị vẫn được tham gia xét khen thưởng).

2. Đối với cá nhân:

a) Không đăng ký thi đua; mới tuyển dụng dưới 10 tháng; nghỉ việc trên 40 ngày làm việc trở lên trong một năm (trừ chế độ nghỉ phép năm; nghỉ thai sản và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế);

b) Trường hợp có dấu hiệu vi phạm đang trong quá trình xác minh hoặc xem xét xử lý kỷ luật;

c) Vi phạm bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên; hoặc có thư phản ánh của địa phương nơi cư trú về việc không chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước hoặc các vi phạm khác (nếu nội dung phản ánh được xác minh là đúng);

d) Không xét thi đua đối với cá nhân sinh con thứ ba trở lên (tính từ năm sinh con thứ ba trở lên), trừ 07 trường hợp sinh con thứ ba được quy định tại Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP;

đ) Gây tai nạn giao thông mà lỗi thuộc về cán bộ, công chức, viên chức;

e) Để lộ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Tỷ lệ, cơ cấu xét danh hiệu thi đua, khen thưởng thường xuyên (khen thưởng tổng kết năm)

1. Tỷ lệ xét danh hiệu thi đua

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”: Không quy định tỷ lệ nhưng để tránh cào bằng trong xét khen thưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc căn cứ vào thực tế phong trào thi đua, kết quả hoàn thành nhiệm vụ để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị cho phù hợp.

b) Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”: không quá 70% trong tổng số tập thể thuộc cơ quan, đơn vị;

c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”: không quá 15% trong tổng số cá nhân đề nghị công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”: không quá 30% trong tổng số tập thể đề nghị công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

đ) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”: không quá 15% cá nhân đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Đối với các cơ quan, đơn vị không đủ số lượng để chọn theo tỷ lệ, thì được chọn tối đa 01 cá nhân nhưng phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định.

2. Tỷ lệ xét khen thưởng thường xuyên (khen tổng kết năm)

a) Giấy khen của Giám đốc Sở

CHỦ
SỞ
NGH
ÁT T
Đ TH
PH P

- Đối với tập thể: Không quá 50 % trong tổng số tập thể đề nghị công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

- Không quá 10 % trong tổng số cá nhân đề nghị công nhận đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

b) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh:

- Đối với cá nhân: Không quá 50% trong tổng số cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 21 của Quy định này;

- Đối với tập thể: Không quá 50% trong tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn quy định Điểm b, Khoản 3, Điều 21 của Quy định này.

3. Khi tính tỷ lệ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, nếu có số lẻ từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 1 (một).

4. Cơ cấu xét khen thưởng

Nhằm thúc đẩy phong trào thi đua sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, việc xét khen thưởng tổng kết công tác năm Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở phải đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có thành tích trong công tác đều được xem xét khen thưởng:

a) Căn cứ vào mức độ thành tích đạt được, theo chức trách nhiệm vụ được giao của từng đối tượng để xét khen thưởng;

b) Phân định thành các nhóm đối tượng xét khen thưởng, trên cơ sở so sánh thành tích giữa các cá nhân có cùng chức trách nhiệm vụ được giao, phân định thành các nhóm để xét riêng như sau:

- Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của đơn vị (Chi cục Trưởng, Phó Chi cục Trưởng, Giám đốc, Phó Giám đốc các Trung tâm và tương đương);

- Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương;

- Cán bộ, công chức, viên chức là chuyên viên, cán sự và tương đương;

- Lái xe, nhân viên phục vụ...

Trong đó, đối tượng cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt ở các đơn vị (Chi cục Trưởng, Phó Chi cục Trưởng, Giám đốc, Phó Giám đốc các Trung tâm, Trưởng phòng và tương đương), tỷ lệ khen thưởng không quá 30% trong tổng số cá nhân của đơn vị được đề nghị UBND tỉnh xét khen thưởng.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, THỦ TỤC, HỒ SƠ, THỜI GIAN XÉT ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 25. Thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền quyết định tặng “Cờ Thi đua của UBND tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Huy hiệu” và “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh”.

2. Giám đốc Sở có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen của Giám đốc Sở.

Điều 26. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Đối với khen thưởng tổng kết công tác năm, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị (02 bản);
- Biên bản họp xét thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (02 bản);
- Báo cáo tóm tắt thành tích tập thể, cá nhân.

2. Khen thưởng tổng kết các Cụm thi đua hồ sơ gồm có:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của Cụm trưởng thi đua (02 bản);
- Biên bản họp Cụm thi đua có ghi kết quả chấm điểm, xếp hạng thi đua (02 bản).

3. Đối với khen thưởng theo đợt hoặc chuyên đề, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình kèm danh sách đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị có tóm tắt thành tích đạt được trong phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề (02 bản);

- Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị trình khen (02 bản);

- Photo gửi kèm văn bản phát động phong trào thi đua, kế hoạch sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề của đơn vị.

4. Đối với khen thưởng đợt xuất, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị ghi rõ hành động, thành tích, công trạng đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản (02 bản).

5. Khen thưởng thành tích đối ngoại, hồ sơ gồm có:

- Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng có tóm tắt thành tích đóng góp cho ngành, đơn vị (02 bản);

- Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị trình khen (02 bản);

- Văn bản xin ý kiến của các cơ quan có liên quan (đối với một số trường hợp cần thiết).

Điều 27. Quy định thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Đối với khen thưởng tổng kết năm hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở (Phòng Tổ chức cán bộ Sở) trước 15/12 hàng năm.

2. Đối với khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 10 ngày làm việc, riêng khen thưởng đột xuất ít nhất 03 ngày làm việc.

Điều 28. Quản lý lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Các đơn vị có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của đơn vị mình để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo hoặc xác nhận khen thưởng khi đối tượng yêu cầu.

2. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định về lưu trữ.

Điều 29. Nghi lễ tổ chức trao tặng và đón nhận các phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước

1. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; Nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; Nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài.

2. Đối với các trường hợp khen thưởng đột xuất, đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng kịp thời, để động viên tập thể, cá nhân được khen thưởng.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 30. Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng

Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc

hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Điều 31. Nội dung chi thi đua, khen thưởng

1. Chi cho in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, khung giấy khen, khung bằng khen.
2. Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể.
3. Thực hiện trích không quá 20% trong tổng lập Quỹ thi đua, khen thưởng của Sở để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, cụ thể như sau:
 - a) Chi phát động các phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt, theo chuyên đề trong phạm vi cơ quan, đơn vị; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối thi đua; chỉ chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua, công tác khen thưởng;
 - b) Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tham gia, tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ, hội thi về thi đua, khen thưởng; tuyên truyền nhân rộng các điển hình tiên tiến;
 - c) Chi bồi dưỡng cho các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở và cơ quan thường của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở để tổ chức các phong trào thi đua, nghiên cứu hồ sơ khen thưởng, chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở và nội dung chương trình công tác của Hội đồng; chi bồi dưỡng cho thành viên Hội đồng sáng kiến cấp Sở khi thực hiện những hoạt động phục vụ việc xét thi đua.
 - d) Chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua, hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua yêu nước; tham dự hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua của cụm, khối thi đua; hội nghị tổng kết phong trào thi đua yêu nước toàn quốc;
 - đ) Chi công tác kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng và giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo về khen thưởng;
 - e) Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua và lưu trữ hồ sơ, hiện vật khen thưởng.

Điều 32. Nguyên tắc chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của Sở do Giám đốc Sở quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng theo quy định.
2. Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh và của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ do UBND tỉnh trình khen thưởng được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.



3. Giám đốc Sở có trách nhiệm chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng của Sở đối với các tập thể, các nhân đạt các hình thức thi đua, khen thưởng sau: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Giấy khen của Giám đốc Sở.

4. Khen thưởng các chương trình mục tiêu, hội thi, hội diễn, dự án, chương trình... do đơn vị chủ trì tổ chức dự toán nguồn kinh phí hoạt động riêng, khi đề nghị khen thưởng sử dụng nguồn kinh phí đó để chi thưởng theo quy định.

Điều 33. Mức tiền thưởng

1. Cách tính tiền thưởng:

a) Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc quyết định khen thưởng;

b) Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 71, 72, 73, 75, 76 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

Điều 34. Cách chi trả tiền thưởng

1. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng, nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất. Nếu đã nhận tiền thưởng ở mức thấp trước khi có quyết định khen thưởng ở mức cao hơn thì được hưởng thêm phần chênh lệch giữa mức thưởng thấp và mức thưởng cao.

2. Trong một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua khác nhau.

3. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của cả hình thức khen thưởng.

Chương VII

KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 35. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

CHỦ
SỞ
G NG
HÁT T
NG TH
BIM-P

1. Phòng Tổ chức cán bộ Sở (Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở) có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Giám đốc Sở tổ chức kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại các cơ quan, đơn vị trong phạm vi Sở.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị do mình quản lý.

3. Trưởng Cụm thi đua có trách nhiệm kiểm tra phong trào thi đua theo các giao ước thi đua đã ký kết đầu năm.

Điều 36. Trách nhiệm trong việc kê khai và xác nhận thành tích

1. Trách nhiệm của cá nhân: Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

2. Trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị: Chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định các hồ sơ, báo cáo thành tích và tính chính xác của các hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân của đơn vị mình trước khi trình cấp trên.

Điều 37. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tập thể được khen thưởng; cá nhân, tập thể có thẩm quyền trình cấp trên khen thưởng, nếu có hành vi vi phạm trong quá trình kê khai, thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng thì sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 80, 81 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ. Thủ tục, hồ sơ hủy bỏ quyết định khen thưởng thực hiện theo Điều 25 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kiểm tra, nếu phát hiện tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm thì lập thủ tục đề nghị Giám đốc Sở xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 38. Khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Phòng Tổ chức cán bộ Sở có trách nhiệm nhiệm tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh, tham mưu Giám đốc Sở giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định.

4. Bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Hội đồng Thi đua khen thưởng Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

Đối với các nội dung khác có liên quan mà không có trong Quy định này thì áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và UBND tỉnh.

Điều 40. Hội đồng Thi đua Khen thưởng Sở, Phòng Tổ chức cán bộ Sở có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, cá nhân thực hiện Quy định này và theo dõi tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để trình Giám đốc Sở kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *Thư*



Nguyễn Văn Tới

